



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA  
SÀI GÒN BÌNH TÂY**

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023  
đã được kiểm toán

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT  
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

**Địa chỉ ĐKKD:** 54/3 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881  
**Địa chỉ giao dịch:** 26 Nguyễn Huy Tự, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881/ 3820 6881 - Fax: 028. 3820 6881

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA  
SÀI GÒN BÌNH TÂY**

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023  
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 30



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### Khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304116373 ngày 25 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (trước đây là số 4103004075). Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 8 năm 2018 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm, rượu bia, nước giải khát; sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất, chế biến tại trụ sở). Xây dựng công nghiệp, dân dụng, cầu đường, giao thông thủy lợi. Mua bán nông sản, thực phẩm, rượu bia, nước giải khát. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Kinh doanh nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở).

Trụ sở chính của Công ty tại số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Văn Thanh Liêm	Chủ tịch
Ông Văn Thảo Nguyên	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên
Ông Đinh Quang Hải	Thành viên
Ông Đặng Thái	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Văn Thảo Nguyên	Phó tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó tổng Giám đốc
Bà Văn Bảo Ngọc	Phó tổng Giám đốc

#### Ban kiểm soát

Ông Văn Bá Nam	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
Bà Bùi Thị Thái Hà	Thành viên

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

### **Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với Báo cáo tài chính**

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



**Thay mặt Hội đồng Quản trị**

**Văn Thanh Liêm**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 27 tháng 3 năm 2024



Số: 37-2/BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây được lập ngày 27 tháng 3 năm 2024, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Ngọc Tuấn**  
Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2837-2024-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Kiểm toán viên

**Nguyễn Thị Bích Nguyệt**  
Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 4817-2024-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>435.146.735.483</b>	<b>441.141.154.721</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>33.524.408.935</b>	<b>25.903.921.134</b>
1. Tiền	111		33.524.408.935	25.903.921.134
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>231.678.165.659</b>	<b>264.943.933.250</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	157.635.286.201	180.287.984.645
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	675.022.561	600.334.625
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	35.000.000.000	45.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	38.614.956.781	39.055.613.980
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(247.099.884)	
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>168.528.298.529</b>	<b>148.614.307.713</b>
1. Hàng tồn kho	141		168.528.298.529	148.614.307.713
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.415.862.360</b>	<b>1.678.992.624</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	578.778.194	841.908.458
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13	837.084.166	837.084.166
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.063.696.853.871</b>	<b>2.268.430.300.292</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>166.000.000</b>	<b>186.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	166.000.000	186.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>670.636.151.465</b>	<b>767.672.845.171</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	603.978.750.534	699.029.357.408
- Nguyên giá	222		2.054.691.398.991	2.058.307.286.791
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.450.712.648.457)	(1.359.277.929.383)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	66.657.400.931	68.643.487.763
- Nguyên giá	228		85.758.649.990	85.758.649.990
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.101.249.059)	(17.115.162.227)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>1.303.361.460.195</b>	<b>1.384.767.843.408</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		978.653.450.464	978.653.450.464
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		463.500.000.000	463.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.166.850.000	22.166.850.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(160.958.840.269)	(79.552.457.056)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>89.533.242.211</b>	<b>115.803.611.713</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	75.365.758.524	101.767.208.789
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		14.167.483.687	14.036.402.924
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.498.843.589.354</b>	<b>2.709.571.455.013</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>486.178.034.487</b>	<b>592.675.757.276</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>486.178.034.487</b>	<b>547.831.256.430</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	53.089.948.662	41.226.449.133
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	18.734.030.456	10.456.217.275
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	115.407.153.799	121.411.026.046
4. Phải trả người lao động	314		7.635.800.084	8.138.479.924
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	7.305.362.920	9.882.043.728
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	16.808.538.516	8.101.874.234
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	266.875.572.729	346.465.400.269
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		321.627.321	2.149.765.821
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>44.844.500.846</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	-	44.844.500.846
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.012.665.554.867</b>	<b>2.116.895.697.737</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>2.012.665.554.867</b>	<b>2.116.895.697.737</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		875.245.360.000	875.245.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		875.245.360.000	875.245.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		436.708.750.464	436.708.750.464
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		495.910.465.337	495.910.465.337
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		204.800.979.066	309.031.121.936
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		265.268.853.936	326.068.449.426
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(60.467.874.870)	(17.037.327.490)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.498.843.589.354</b>	<b>2.709.571.455.013</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hoàng Lan Hương

Nguyễn Thị Hiếu

Văn Thanh Liêm

Ngày 27 tháng 3 năm 2024





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.134.636.901.685	1.214.115.517.272
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.134.636.901.685	1.214.115.517.272
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.080.637.748.216	1.133.840.682.596
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.999.153.469	80.274.834.676
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	47.093.453.727	9.605.586.234
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	116.529.180.720	58.202.528.251
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.020.836.090	33.679.204.671
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	22.729.620.481	26.538.258.561
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	22.507.796.438	21.668.386.201
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(60.673.990.443)	(16.528.752.103)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	282.223.260	240.331.089
12. Chi phí khác	32	VI.8	76.107.687	748.906.476
13. Lợi nhuận khác	40		206.115.573	(508.575.387)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(60.467.874.870)	(17.037.327.490)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(60.467.874.870)	(17.037.327.490)

Người lập biểu

Hoàng Lan Hương

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hiếu

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Văn Thanh Liêm

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(60.467.874.870)	(17.037.327.490)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	96.689.543.686	97.236.880.076
- Các khoản dự phòng	03	81.653.483.097	24.295.220.247
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(46.109.983.061)	(8.957.502.832)
- Chi phí lãi vay	06	35.020.836.090	33.679.204.671
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	106.786.004.942	129.216.474.672
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	26.638.877.488	78.814.893.197
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(20.045.071.579)	(49.494.959.571)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	22.720.802.360	2.444.705.695
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	26.664.580.529	(63.517.543.209)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(37.212.563.853)	(34.694.380.823)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.828.138.500)	(6.563.601.293)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	123.724.491.387	56.205.588.668
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	(477.000.000)	(33.459.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	918.181.818	618.181.818
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	42.415.741.482	5.702.521.745
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	52.856.923.300	6.287.244.472
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	657.739.107.125	448.471.830.036
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(782.173.435.511)	(517.354.130.609)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(44.526.598.500)	(41.350.730.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(168.960.926.886)	(110.233.031.073)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	7.620.487.801	(47.740.197.933)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	25.903.921.134	73.644.119.067
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	33.524.408.935	25.903.921.134

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hoàng Lan Hương

Nguyễn Thị Hiểu

Văn Thanh Liêm

Ngày 27 tháng 3 năm 2024



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304116373 ngày 25 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (trước đây là số 4103004075). Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 8 năm 2018 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 304 người (tại ngày 31/12/2022 là 311 người).

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm, rượu bia, nước giải khát; sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất, chế biến tại trụ sở). Xây dựng công nghiệp, dân dụng, cầu đường, giao thông thủy lợi. Mua bán nông sản, thực phẩm, rượu bia, nước giải khát. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. Kinh doanh nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở).

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con và công ty liên kết sau:

Tên công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu
<b>Công ty con</b>			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	Bán buôn đồ uống (rượu, bia, nước giải khát) và Dịch vụ nhà hàng; ...	200.000.000.000	100%
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	Sản xuất các loại bia	193.000.000.000	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Phú Lý	Sản xuất các loại bia	164.383.000.000	100%
<b>Công ty liên kết</b>			
Công ty CP Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	Sản xuất bình, ca, can, lon bằng kim loại; In bao bì; ...	560.892.510.000	38,96%
Công ty CP Bia Sài Gòn - Long Khánh	Sản xuất các loại bia	198.000.000.000	20,20%

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Nhà Máy Bia Sài Gòn - Bình Dương	Khu CN Tân Đông Hiệp B, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Nhà Máy Bia Sài Gòn - Hoàng Quỳnh	Khu CN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
Nhà Máy Bia Sài Gòn - Đồng Tháp	Khu CN Trần Quốc Toản, Phường 11, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

#### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Một số khoản đầu tư khác vì không có đủ các thông tin cần thiết để lập dự phòng nên công ty không trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các khoản dự phòng đối với các khoản đầu tư này, nếu có, không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

#### 4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

#### 5. Nguyên tắc kế toán phải thu về cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Hội đồng Quản trị thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	08 - 40 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	07 - 10 năm
- Dụng cụ quản lý	05 - 07 năm
- Tài sản khác	05 - 10 năm
- Phần mềm máy tính	07 năm
- Quyền sử dụng đất	41 - 49 năm

### 8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

5213  
CÔNG  
H NIỆM  
H VỤ T  
HINH T  
KIỂM  
NAM V  
TP. H

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

### 18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

### 20. Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định;
- Chi phí phải trả;
- Các khoản dự phòng.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Hội đồng quản trị đánh giá là hợp lý.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	VND	VND
Tiền mặt	340.674.012	360.154.417
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.183.734.923	25.543.766.717
<b>Cộng</b>	<b>33.524.408.935</b>	<b>25.903.921.134</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**2. Đầu tư tài chính dài hạn**  
**a) Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	100%	200.000.000.000	(97.429.545.907)	100%	200.000.000.000	(55.834.016.058)
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Phú Lý	100%	366.793.199.022	-	100%	366.793.199.022	-
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	100%	411.860.251.442	(47.050.973.851)	100%	411.860.251.442	-
<b>Cộng</b>		<b>978.653.450.464</b>	<b>(144.480.519.758)</b>		<b>978.653.450.464</b>	<b>(55.834.016.058)</b>

**b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2023			01/01/2023				
	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phiếu	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phiếu	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Công ty CP Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	38,96%	21.850.000	423.500.000.000 (14.978.320.511)		38,96%	21.850.000	423.500.000.000 (22.218.440.998)	
Công ty CP Bia Sài Gòn - Long Khánh	20,20%	4.000.000	40.000.000.000		20,20%	4.000.000	40.000.000.000	
<b>Cộng</b>		<b>25.850.000</b>	<b>463.500.000.000 (14.978.320.511)</b>			<b>25.850.000</b>	<b>463.500.000.000 (22.218.440.998)</b>	

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2023			01/01/2023				
	Số cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Kinh doanh Lương thực thực phẩm Trường Sa	100.000	1.500.000.000	(*) (1.500.000.000)		100.000	1.500.000.000	(*) (1.500.000.000)	
Công ty CP Bia Sài Gòn - Hà Nội	900.018	9.000.180.000	17.550.351.000		900.018	9.000.180.000	26.100.522.000	
Công ty CP Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	1.166.667	11.666.670.000	29.750.008.500		1.166.667	11.666.670.000	32.900.009.400	
<b>Cộng</b>		<b>22.166.850.000</b>	<b>(1.500.000.000)</b>			<b>22.166.850.000</b>	<b>(1.500.000.000)</b>	



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do thiếu thông tin về giá tham chiếu trên thị trường nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư này chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)	156.259.447.397	179.930.631.761
Bên thứ ba	1.375.838.804	357.352.884
Phải thu khách hàng khác (*)	1.375.838.804	357.352.884
<b>Cộng</b>	<b>157.635.286.201</b>	<b>180.287.984.645</b>

(\*) Không có đối tượng nào có số dư chiếm trên 10% tổng số dư nợ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên thứ ba		
Trả trước ngắn hạn khác (*)	675.022.561	600.334.625
<b>Cộng</b>	<b>675.022.561</b>	<b>600.334.625</b>

(\*) Không có đối tượng nào có số dư chiếm trên 10% tổng số dư nợ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản trả trước cho người bán nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Cho bên liên quan vay (Xem Thuyết minh VIII.2)	35.000.000.000	45.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>45.000.000.000</b>

Cho bên liên quan vay theo hợp đồng số 1/2023/HĐVT ngày 03/01/2023, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay là 6,7%/năm. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

**6. Phải thu khác**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>38.614.956.781</b>	<b>39.055.613.980</b>
Phải thu tiền cổ tức	4.690.018.000	3.790.000.000
Phải thu tiền lãi cho vay	2.700.191.781	3.015.000.000
Phải thu khác	31.224.747.000	32.250.613.980
<b>Dài hạn</b>	<b>186.000.000</b>	<b>186.000.000</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	166.000.000	186.000.000
<b>Cộng</b>	<b>38.780.956.781</b>	<b>39.241.613.980</b>

213  
ÔNG  
NHIỆM  
VỤ T  
ÍNH H  
TIẾM  
AM V  
TP. H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu khác là các bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)	37.510.191.781	37.825.000.000

7. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	59.072.858.575	-	56.782.130.229	-
Công cụ, dụng cụ	7.245.541.347	-	7.247.925.429	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	41.315.378.594	-	38.631.603.954	-
Thành phẩm	35.818.591.434	-	42.682.686.307	-
Hàng hóa	-	-	252.000.000	-
Hàng gửi đi bán	25.075.928.579	-	3.017.961.794	-
<b>Cộng</b>	<b>168.528.298.529</b>	<b>-</b>	<b>148.614.307.713</b>	<b>-</b>

8. Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>578.778.194</b>	<b>841.908.458</b>
Chi phí bảo hiểm	407.860.525	841.908.458
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	170.917.669	-
<b>Dài hạn</b>	<b>75.365.758.524</b>	<b>101.767.208.789</b>
Bao bì luân chuyển (*)	37.425.066.056	65.494.792.326
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	2.121.738.795	1.286.404.664
Chi phí sửa chữa, cải tạo	2.717.138.060	858.880.438
Tiền thuê đất (**)	33.101.815.613	34.127.131.361
<b>Cộng</b>	<b>75.944.536.718</b>	<b>102.609.117.247</b>

(\*) Bao bì luân chuyển gồm Chai nâu lager và Két nhựa được phân bổ trong thời hạn 36 tháng.

(\*\*) Tiền thuê đất tại Nhà máy bia Hoàng Quỳnh được phân bổ trong thời gian 49 năm (bắt đầu từ tháng 11 năm 2004), giá trị còn phân bổ là 12.772.437.426 đồng. Tiền thuê đất tại Đồng Tháp được phân bổ trong thời gian 40 năm (bắt đầu từ tháng 01 năm 2018), giá trị còn phân bổ là 20.329.378.187 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	388.963.904.917	1.632.706.633.256	31.010.421.666	3.359.527.256	2.266.799.696	2.058.307.286.791
Mua mới trong năm	-	477.000.000	-	-	-	477.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	4.092.887.800	-	-	4.092.887.800
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>388.963.904.917</b>	<b>1.633.183.633.256</b>	<b>26.917.533.866</b>	<b>3.359.527.256</b>	<b>2.266.799.696</b>	<b>2.054.691.398.991</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	157.234.387.696	1.174.105.932.620	22.344.093.610	3.326.715.761	2.266.799.696	1.359.277.929.383
Khấu hao trong năm	20.206.307.992	72.489.405.956	2.001.116.482	6.626.424	-	94.703.456.854
Thanh lý, nhượng bán	-	-	3.268.737.780	-	-	3.268.737.780
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>177.440.695.688</b>	<b>1.246.595.338.576</b>	<b>21.076.472.312</b>	<b>3.333.342.185</b>	<b>2.266.799.696</b>	<b>1.450.712.648.457</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	231.729.517.221	458.600.700.636	8.666.328.056	32.811.495	-	699.029.357.408
Tại ngày cuối năm	<b>211.523.209.229</b>	<b>386.588.294.680</b>	<b>5.841.061.554</b>	<b>26.185.071</b>	-	<b>603.978.750.534</b>

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là: 490.575.740.889 đồng (Tại ngày 31/12/2022 là 518.097.654.489 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 838.022.444.740 đồng (Tại ngày 31/12/2022 là 737.252.372.088 đồng).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	84.390.024.990	1.368.625.000	85.758.649.990
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>84.390.024.990</b>	<b>1.368.625.000</b>	<b>85.758.649.990</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	16.178.793.475	936.368.752	17.115.162.227
Khấu hao trong năm	1.760.561.832	225.525.000	1.986.086.832
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17.939.355.307</b>	<b>1.161.893.752</b>	<b>19.101.249.059</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	68.211.231.515	432.256.248	68.643.487.763
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>66.450.669.683</b>	<b>206.731.248</b>	<b>66.657.400.931</b>

Đơn vị tính: VND

(\*) Quyền sử dụng đất gồm :

- Quyền sử dụng đất 504,5m<sup>2</sup> tại số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh có thời hạn sử dụng đến 11/2063.

- Quyền thuê đất tại nhà máy Bia Hoàng Quỳnh có thời hạn sử dụng đến năm 2047.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 241.000.000 đồng

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)</b>	<b>33.745.904.060</b>	<b>30.877.250.337</b>
<b>Bên thứ ba</b>	<b>19.344.044.602</b>	<b>10.349.198.796</b>
Công ty TNHH Dịch vụ & Phát triển Đầu tư HMG	7.186.757.968	-
Công ty TNHH MTV Khánh Vân Kon Tum	5.785.952.228	-
Công ty TNHH MTV TM - Sản Xuất Lê Lờ	2.102.562.000	2.058.966.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tín Thành	1.679.856.577	1.221.519.071
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	315.891.101	2.069.333.136
Phải trả người bán khác (*)	2.273.024.728	4.999.380.589
<b>Cộng</b>	<b>53.089.948.662</b>	<b>41.226.449.133</b>

(\*) Không có đối tượng nào có số dư nợ chiếm trên 10% tổng số dư nợ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản phải trả người bán nào quá hạn chưa thanh toán.

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty Metro J Trading (tương đương 200.550 USD)	4.837.302.300	6.951.960.000
Trade Beer Sole Co., Ltd (tương đương 577.535 USD)	13.879.062.110	3.027.340.040
Phonetheb Ja Lorn Xay Trading Sole Co., Ltd	-	459.849.140
Billion Nova SDN BHD (tương đương 756,9 USD)	17.666.046	17.068.095
<b>Cộng</b>	<b>18.734.030.456</b>	<b>10.456.217.275</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

Thuế phải nộp	01/01/2023	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2023
	VND			VND
Thuế giá trị gia tăng	10.457.260.773	100.755.907.300	101.211.354.505	10.001.813.568
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	40.169.445	40.169.445	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	105.757.413.243	909.728.651.667	910.200.131.268	105.285.933.642
Thuế nhập khẩu	-	14.940.237	14.940.237	-
Thuế thu nhập cá nhân	500.000	3.315.425.394	3.202.753.685	113.171.709
Thuế tài nguyên	5.195.852.030	57.836.330	5.247.453.480	6.234.880
Các loại thuế khác	-	16.557.000	16.557.000	-
<b>Cộng</b>	<b>121.411.026.046</b>	<b>1.013.929.487.373</b>	<b>1.019.933.359.620</b>	<b>115.407.153.799</b>
Thuế phải thu	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
	VND <td>VND</td>			VND
Thuế TNDN	837.084.166	-	-	837.084.166
<b>Cộng</b>	<b>837.084.166</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>837.084.166</b>

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)	5.909.657.534	8.065.261.660
Bên thứ ba	1.395.705.386	1.816.782.068
Chi phí lãi vay phải trả	267.828.565	859.131.670
Chi phí phải trả khác	1.127.876.821	957.650.398
<b>Cộng</b>	<b>7.305.362.920</b>	<b>9.882.043.728</b>

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)	-	3.790.031.287
Bên thứ ba	16.808.538.516	4.311.842.947
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.184.449.999	-
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	1.104.775.447	1.104.775.447
Cổ tức phải trả	2.442.737.000	3.207.067.500
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	76.576.070	-
<b>Cộng</b>	<b>16.808.538.516</b>	<b>8.101.874.234</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản phải trả khác nào quá hạn chưa thanh toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**16. Vay và nợ thuế tài chính**

	01/01/2023 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2023 VND
<b>Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>	<b>346.465.400.269</b>	<b>687.603.607.971</b>	<b>767.193.435.511</b>	<b>266.875.572.729</b>
<b>Bên liên quan</b>				
Công ty CP Vận tải & Giao nhận Bia Sài Gòn (a)	95.000.000.000	-	75.000.000.000	20.000.000.000
<b>Bên thứ ba</b>				
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	96.511.141.392	168.686.070.406	265.197.211.798	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (b)	95.034.258.877	288.849.951.533	367.076.223.713	16.807.986.697
Ngân hàng Vietcombank - CN Kỳ Đồng (c)	-	200.203.085.186	-	200.203.085.186
Vay Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Kỳ Đồng đến hạn trả (d)	59.920.000.000	29.864.500.846	59.920.000.000	29.864.500.846
<b>Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>	<b>44.844.500.846</b>	<b>-</b>	<b>44.940.000.000</b>	<b>-</b>
Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Kỳ Đồng (d)	44.844.500.846	-	44.940.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>391.309.901.115</b>	<b>687.603.607.971</b>	<b>812.037.936.357</b>	<b>266.875.572.729</b>

(a) Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Vận Tải & Giao Nhận Bia Sài Gòn theo Hợp đồng vay tiền số 42/CPVT/2019 ngày 10/10/2019 và hợp đồng số 01/CPVT/2020 ngày 12/03/2020 và các phụ lục kèm theo. Lãi suất vay là 6,5%/năm. Thời hạn cho vay tối đa của mỗi khoản nợ là không quá 6 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Đây là khoản vay tín chấp. Số dư nợ gốc vay đến ngày 31/12/2023 là 20.000.000.000 đồng.

(b) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín theo Hợp đồng cấp tín dụng khung số CHCM.HDDN.23.15 ngày 29/03/2023. Hạn mức tín dụng cho vay là 120 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng. Thời hạn cho vay tối đa của mỗi khoản nợ là không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hợp đồng này được bảo đảm bằng Quyền sử dụng đất và công trình trên đất: 23.120,8 m<sup>2</sup> tại A73/I và A73A/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh; lô đất số A82/I-A83/I-A84/I, đường số 8 KCN Vĩnh Lộc, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh và Dây chuyền máy móc thiết bị của công ty tại KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh trừ dây chuyền chiết chai (trị giá 96.962.000.000 đồng). Số dư nợ gốc vay đến ngày 31/12/2023 là 16.807.986.697 đồng.

(c) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/CV-0020/KHDN/23 ngày 30/10/2023 với hạn mức tín dụng cho vay không vượt quá 250.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh và được đảm bảo bằng thế chấp toàn bộ máy móc, thiết bị tại nhà máy Bia Sài Gòn - Hoàng Quỳnh và thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án nhà máy bia Sài Gòn - Đồng Tháp và thế chấp Hàng tồn kho và/hoặc khoản phải thu với giá trị tối thiểu 100% dư nợ tín dụng ngắn hạn. Dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2023 là 200.203.085.186 đồng.

(d) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng theo Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 0037/KHDN/17DH ngày 05/06/2017. Thời hạn vay 84 tháng. Thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Trong 12 tháng kể từ ngày Giải ngân vốn vay lần đầu, lãi suất cho vay có định là 7,5%/năm. Từ tháng thứ 13 trở đi, lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm tiền VND có năm hạn 12 tháng trả sau của Ngân hàng công bố trong từng thời kỳ năm công với biên độ có định 1,5%/năm. Số dư nợ gốc vay đến ngày 31/12/2023 là 29.864.500.846 đồng (trong đó Vay dài hạn đến hạn trả là 29.864.500.846 đồng). Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**17. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND					Đơn vị tính: VND
		Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
Số dư đầu năm trước		875.245.360.000	436.708.750.464	495.910.465.337	326.068.449.426	2.133.933.025.227
Lỗ trong năm trước					(17.037.327.490)	(17.037.327.490)
Số dư cuối năm trước		875.245.360.000	436.708.750.464	495.910.465.337	309.031.121.936	2.116.895.697.737
Số dư đầu năm nay		875.245.360.000	436.708.750.464	495.910.465.337	309.031.121.936	2.116.895.697.737
Lỗ trong năm nay					(60.467.874.870)	(60.467.874.870)
Chia cổ tức trong năm nay					(43.762.268.000)	(43.762.268.000)
Số dư cuối năm nay		875.245.360.000	436.708.750.464	495.910.465.337	204.800.979.066	2.012.665.554.867

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn  
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây  
Vốn góp của cổ đông khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	%	VND	%
	143.723.000.000	16,42	143.723.000.000	16,42
	55.200.000.000	6,31	55.200.000.000	6,31
	676.322.360.000	77,27	676.322.360.000	77,27
<b>Cộng</b>	<b>875.245.360.000</b>	<b>100,00</b>	<b>875.245.360.000</b>	<b>100,00</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	875.245.360.000	875.245.360.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	875.245.360.000	875.245.360.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(43.762.268.000)	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	87.524.536	87.524.536
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	87.524.536	87.524.536
- Cổ phiếu phổ thông	87.524.536	87.524.536
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	87.524.536	87.524.536
- Cổ phiếu phổ thông	87.524.536	87.524.536

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại (USD)	-	203.013,50
Nợ khó đòi đã xử lý	3.632.047.000	3.632.047.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.115.438.485.868	1.208.826.232.504
Doanh thu bán hàng hóa	7.234.118.680	2.727.958.282
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.688.351.101	1.631.359.760
Doanh thu khác	10.275.946.036	929.966.726
<b>Cộng</b>	<b>1.134.636.901.685</b>	<b>1.214.115.517.272</b>
Doanh thu với các bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.2)	963.128.203.269	1.087.152.908.179

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán thành phẩm	1.068.523.581.779	1.130.707.025.392
Giá vốn bán hàng hóa	5.875.199.911	1.804.791.888
Giá vốn khác	6.238.966.526	1.328.865.316
<b>Cộng</b>	<b>1.080.637.748.216</b>	<b>1.133.840.682.596</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.065.914.763	3.100.800.245
Cổ tức, lợi nhuận được chia	42.950.036.500	5.616.721.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.077.502.464	888.064.489
<b>Cộng</b>	<b>47.093.453.727</b>	<b>9.605.586.234</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	35.020.836.090	33.679.204.671
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	81.406.383.213	24.295.220.247
Lỗ chênh lệch tỷ giá	101.961.417	223.936.933
Chi phí tài chính khác	-	4.166.400
<b>Cộng</b>	<b>116.529.180.720</b>	<b>58.202.528.251</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	16.166.242.934	12.565.039.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.988.704.830	2.637.298.110
Chi phí bán hàng khác	2.574.672.717	11.335.920.962
<b>Cộng</b>	<b>22.729.620.481</b>	<b>26.538.258.561</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	91.475.592	70.895.549
Chi phí cho nhân viên	11.009.699.199	10.463.848.171
Chi phí khấu hao	6.764.796.140	7.011.405.087
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.051.023.430	1.895.021.469
Chi phí bằng tiền khác	2.590.802.077	2.227.215.925
<b>Cộng</b>	<b>22.507.796.438</b>	<b>21.668.386.201</b>

**7. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	94.031.798	239.981.087
Thu nhập khác	188.191.462	350.002
<b>Cộng</b>	<b>282.223.260</b>	<b>240.331.089</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**8. Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính	76.095.480	13.525.437
Chi phí khác	12.207	735.381.039
<b>Cộng</b>	<b>76.107.687</b>	<b>748.906.476</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(60.467.874.870)	(17.037.327.490)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	(29.941.318.416)	(1.274.541.234)
- Các khoản điều chỉnh tăng	13.008.718.084	4.342.180.266
+ Chi phí không được trừ	1.444.939.128	4.342.180.266
+ Chi phí lãi vay giao dịch liên kết	11.563.778.956	
- Các khoản điều chỉnh giảm	42.950.036.500	5.616.721.500
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	42.950.036.500	5.616.721.500
Lợi nhuận tính thuế	(90.409.193.286)	(18.311.868.724)
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	898.846.030.962	976.783.777.271
Chi phí nhân công	57.850.899.343	58.288.482.625
Chi phí khấu hao tài sản cố định	96.689.543.686	97.236.880.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.775.817.021	69.357.724.945
Chi phí khác bằng tiền	7.997.964.238	20.630.671.626
<b>Cộng</b>	<b>1.129.160.255.250</b>	<b>1.222.297.536.543</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vay theo kế ước thông thường	657.739.107.125	448.471.830.036

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trả tiền nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(782.173.435.511)	(517.354.130.609)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

		Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thù lao Thành viên HĐQT</b>			
Ông Văn Thanh Liêm	Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Văn Thảo Nguyên	Phó Chủ tịch	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Đinh Quang Hải	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Đặng Thái	Thành viên	72.000.000	72.000.000
<b>Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát</b>			
Ông Văn Bá Nam	Trưởng ban kiểm soát	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Bà Bùi Thị Thái Hà	Thành viên	30.000.000	30.000.000
<b>Lương, thưởng và khoản phúc lợi khác</b>			
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Văn Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	1.080.000.000	1.040.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	877.500.000	845.000.000
Bà Văn Bảo Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	325.000.000	-
<b>Những người quản lý khác</b>		<b>8.302.500.000</b>	<b>6.233.678.927</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Trong năm, ngoài các nghiệp vụ với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, công ty có phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	Công ty con
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	Công ty con
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Phú Lý	Công ty con
Tổng Công ty CP Bia rượu nước giải khát Sài Gòn	Bên liên quan
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	Bên liên quan
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	Bên liên quan
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Bên liên quan

Bên liên quan	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>963.128.203.269</b>	<b>1.087.152.908.179</b>
Tổng Công ty CP Bia rượu nước giải khát Sài Gòn	894.469.406.807	943.864.145.988
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	62.195.578.096	142.664.544.431
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	6.343.218.366	624.217.760
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	120.000.000	-
<b>Mua hàng hóa, nguyên vật liệu</b>	<b>744.977.184.488</b>	<b>876.997.296.927</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	657.627.568.952	720.773.862.489
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	75.637.431.948	60.224.760.088
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	11.712.183.588	4.553.293.600
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn - Bình Tây	-	91.445.380.750
<b>Các giao dịch khác</b>	<b>55.801.338.979</b>	<b>23.333.956.256</b>
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Phú Lý (Lợi nhuận chuyển về Công ty mẹ)	39.400.000.000	-
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận (Lãi cho vay)	2.700.191.781	3.015.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn (Cổ tức phải trả)	7.186.150.000	7.186.150.000
Công ty Cổ phần Vận Tải & Giao Nhận Bia Sài Gòn (Chi phí lãi vay)	5.909.657.534	7.510.082.192
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây (Tiền thuê đất và chi phí duy tu cơ sở hạ tầng)	5.736.452.754	5.622.724.064
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây (Hỗ trợ bán hàng)	2.055.036.910	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>156.259.447.397</b>	<b>179.930.631.761</b>
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	129.742.778.576	138.695.853.890
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	23.058.982.908	41.201.777.871
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	3.441.185.913	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bi Sài Gòn	16.500.000	33.000.000
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>45.000.000.000</b>
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	35.000.000.000	45.000.000.000
<b>Phải thu khác</b>	<b>37.510.191.781</b>	<b>37.825.000.000</b>
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	37.510.191.781	37.825.000.000
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>33.745.904.060</b>	<b>30.877.250.337</b>
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	18.336.420.033	12.771.234.907
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bi Sài Gòn	8.998.950.971	11.684.499.262
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	4.820.000.285	5.464.596.133
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	1.590.532.771	787.450.216
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	-	169.469.819
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>5.909.657.534</b>	<b>8.065.261.660</b>
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	5.909.657.534	7.510.082.192
(Chi phí lãi vay phải trả)		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	555.179.468
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>3.790.031.287</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	3.121.089.249
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	-	668.942.038
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>95.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	20.000.000.000	95.000.000.000

**3. Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất bia nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động chủ yếu trong khu vực địa lý Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

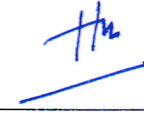
Người lập biểu



Hoàng Lan Hương

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hiếu



Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Văn Thanh Liêm